

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 7 - 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hoa và ông Phạm Quốc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đức L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố Th, thị trấn Ph, huyện T, tỉnh B.

Phiên tòa có mặt: Anh L, chị D đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 14/01/2022, bản tự khai của nguyên đơn anh Trần Đức L; ý kiến của bị đơn chị Lê Thị Thùy D tại văn bản ngày 22/6/2022 và tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Trần Đức L và chị Lê Thị Thùy D lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/7/2014 tại UBND xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn công việc, chỗ ở và việc sinh con chung, cụ thể:

Sau khi cưới, anh L và chị D về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh L ở thôn 3, xã H, huyện L, tỉnh H được khoảng 02 tháng thì anh L và chị D được gia đình

đồng ý cho vợ chồng vào huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thuê nhà ở và cùng làm công nhân trong Công ty Giày Nike Việt Vinh. Anh L và chị D chung sống hòa thuận đến cuối năm 2015 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc lựa chọn công việc và chỗ ở (do anh L là con trưởng trong gia đình chỉ có 02 anh em, anh L muốn vợ chồng chuyển về sinh sống và làm việc tại nhà bố mẹ đẻ anh ở thôn 3, xã Hòa Hậu nhưng chị D không đồng ý, vì chị là người miền Nam đã quen với cuộc sống ở miền Nam nên đòi vợ chồng phải sinh sống và làm việc ở trong miền Nam); anh L và chị D còn mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc sinh con chung. Do anh L muốn vợ chồng sớm có con chung, chị D lại bị hạn chế về khả năng sinh con, phải uống thuốc, chữa trị mới có thể sinh con nhưng chị D chưa muốn có con nên không chịu uống thuốc, chữa trị. Vì vậy vợ chồng bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2016. Từ đó đến nay anh L và chị D không ai quan tâm gì đến cuộc sống chung. Mỗi lần vợ chồng nói chuyện điện thoại là lại cãi, chửi nhau.

Nay anh Trần Đức L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Lê Thị Thùy D. Chị D nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh L.

- Về con chung: Anh L và chị D đều xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải nhưng chị D đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên không hòa giải được. Anh L từ chối hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Trần Đức L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Lê Thị Thùy D. Các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật; chị D đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức L và chị Lê Thị Thùy D. Các vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không giải quyết. Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, đơn lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết và các tài liệu, chứng cứ do anh Trần Đức L cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Lê Thị Thùy D đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Đức L và chị Lê Thị Thùy D là hợp pháp. Anh L và chị D cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm về lựa chọn công việc, chỗ ở và việc sinh con chung. Vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 4/2016 cho đến nay. Nay anh L và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể về chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đều thống nhất ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc anh L và chị D thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Những vấn đề khác ngoài phạm vi yêu cầu của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đức L và chị Lê Thị Thùy D.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Đức L và chị Lê Thị Thùy D mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L nộp toàn bộ án phí là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng

án phí anh L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0001028 ngày 17 tháng 01 năm 2022, anh L được nhận lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Hòa Hậu;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Quốc Huy**